

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/HC-PT

Ngày 10/8/2018

V/v “ *Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Phạm Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 N 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2017/TLPT-HC ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc khởi kiện “*Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 và Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 N 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T và ông Lê Văn Q; Cùng địa chỉ: Xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Q là ông Lê Văn T; ông T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện là ông Trần Công N - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Công N, Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã P);

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Chủ tịch UBND thị xã P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- + Ông Trần Văn H - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường;
- + Ông Phan Minh Tr - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường;
- + Ông Trần Đình O - Chủ tịch UBND xã C;

Cùng địa chỉ: Phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT. (Ông Tr có mặt; ông H, ông O đều vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. CTCPTM

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Quỳnh Ch – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mã Văn L – Phó tổng giám đốc;

Địa chỉ: Phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2. Ông Lê Văn T;

3. Bà Lê Thị G;

4. Bà Lê Thị H;

Cùng địa chỉ: Xã C, TX P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà G và bà H: Ông Lê Văn T, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 16/02/2010, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số O 942077 cho hộ bà Hồ Thị N. Theo đó, hộ bà N được quyền sử dụng đất 14.640 m² (trong đó thửa 193, tờ bản đồ số 37 có diện tích 9.040m² và thửa 215, tờ bản đồ số 37 có diện tích 5.600m²).

Sau đó, hộ bà N tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Q thửa đất số 215, tờ bản đồ 37 (đo đạc thực tế là: 5.235 m²) và ông Lê Văn Q đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số BD 108854 ngày 30/11/2010.

Ngày 27/5/2015, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND (**Quyết định số 2143**) về việc: Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày 16/02/2000 với diện tích 14.640m² gồm các thửa 193, 215 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha, với lý do: Cấp Giấy CNQSD đất không đúng quy định về pháp luật đất đai.

Do có sự sai sót trong Quyết định 2143 nên UBND huyện T ban hành Quyết định số 1888/QĐ-UBND (**Quyết định số 1888**) với nội dung: Điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 2143. Cụ thể: “Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày 16/02/2000 đối với diện tích 14.640m² gồm các thửa 193, 215 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha” thành: “Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày

16/02/2000 với diện tích 9.040m² gồm các thửa 193 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha”; với lý do: Thửa đất 215, tờ bản đồ số 37 đã được chính trừ khỏi Giấy CNQSD đất số O 94277 ngày 16/02/2000.

Không đồng ý Quyết định 2143, nên ngày 13/10/2015, ông T, ông Q khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện T với yêu cầu: Hủy Quyết định hành chính số 2143 ngày 12/5/2015 của UBND huyện T.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày:

Quyết định 2143 ban hành là trái quy định của pháp luật, vì:

Thứ nhất, về thẩm quyền ban hành: Quyết định 2143 do UBND huyện T ký là không đúng, mà thẩm quyền thuộc Chủ tịch UBND huyện.

Thứ hai, về trình tự thủ tục: Trước khi ban hành Quyết định số 2143, gia đình ông T không nhận được bất kỳ kết luận nào từ cơ quan có thẩm quyền và chưa được quyền khiếu nại, khởi kiện kết luận của cơ quan đó.

Thứ ba, về nội dung: Quyết định này chỉ ghi là trái pháp luật, nhưng không biết trái pháp luật về vấn đề gì.

Thứ tư, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 37 có diện tích: 9.040m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình hộ Hồ Thị N. Nguồn gốc của thửa đất này là do gia đình hộ bà N khai phá từ N 1986, gia đình bà N đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, có tiến hành đăng ký kê khai trong sổ địa chính và đã được UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất vào N 2000. Việc cấp Giấy CNQSD đất của UBND huyện là đúng pháp luật. Thửa đất này cũng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến ngày 12/5/2015 (thời điểm UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất của hộ bà Hồ Thị N).

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Quyết định 2143 được ban hành đúng về hình thức, thẩm quyền theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 43/204/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Về lý do hủy Giấy CNQSD đất số O 942077 là:

Thứ nhất, khi cấp Giấy CNQSD đất số O 942077 đối với thửa 193 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha thì bà Hồ Thị N chết, tuy nhiên, các thành viên trong hộ bà N không có làm thủ tục khai báo, nên ngày 16/02/2000 UBND huyện T đã Giấy CNQSD đất cho người chết là hộ Hồ Thị N đứng tên sử dụng, như vậy là sai đối tượng được cấp giấy theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2013.

Thứ hai, tại thời điểm cấp Giấy CNQSD đất UBND xã Châu Pha và UBND huyện T đã chưa tiến hành xác minh về nguồn gốc sử dụng đất theo quy

định của pháp luật đất đai. Điều này được thể hiện rõ là: Thửa đất 193, tờ bản đồ số 37 thì gia đình bà N, ông T đã được nhận tiền bồi thường trước khi được cấp Giấy CNQSD đất; đó là N 1994, CTCPTM tổ chức kiểm kê và chiết tính bồi thường lô khai thác đá số 0, trong đó thửa số 193 chính là lô số 44 mà ông T đã nhận tiền đền bù theo bản đồ địa chính lập ngày 14/6/1994. Tuy nhiên khi cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà N, thì UBND xã C không tiến hành đối chiếu bản đồ thu hồi đất và bản đồ địa chính, đến N 2008 thì UBND xã phát hiện sai sót nên đã có tờ trình số 187 ngày 05/5/2010 đề nghị hủy Giấy CNQSD đất của hộ bà N.

Thứ ba, việc UBND huyện T hủy Giấy CNQSD đất dụng đất số O 942077 đối với thửa 193 tờ bản đồ số 37 vẫn chưa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Lê Văn T, Lê Văn Q, vì sau khi hủy Giấy, các thửa kế của bà Hồ Thị N được quyền làm hồ sơ để xin cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất này và khi đó trong quá trình cấp giấy thì UBND huyện T mới xem xét cụ thể về thửa đất này có đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn T, bà Lê Thị G, bà Lê Thị H (do ông Lê Văn T đại diện) trình bày:

Ông T, bà G, bà H là con của bà Hồ Thị N chết ngày 11/9/1999; nay đồng ý với ý kiến của ông Lê Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - CTCPTM trình bày:

N 1993, để thực hiện dự án khai thác đá tại mỏ đá lô số 0 núi ông Hựu, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, CTCPTM (gọi tắt là Công ty) đã cùng Ban Đền bù của huyện Châu Thành (nay tách ra là huyện Tân Thành) đã tiến hành kiểm kê, lập phương án và đền bù đất, cây trái và hoa màu cho các hộ dân. Trong đó có phần diện tích đất của hộ ông Lê Văn T gồm các thửa 44, 45 được thể hiện trên Bản đồ lập ngày 14/6/1994.

N 2000, UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số O 942077 đối với thửa 193 tờ bản đồ số 37 cho hộ bà N là không đúng, bởi lẽ:

Thứ nhất, thửa số 193, tờ bản đồ số 37 chính là thửa đất số 44 trên Bản đồ lập ngày 14/6/1994 (Thửa đất này đã được kiểm kê và hộ ông Lê Văn T đã được nhận tiền đền bù N 1994 với số tiền 29.856.309 đồng).

Thứ hai, từ năm 1994, Công ty cũng đã sử dụng diện tích đất thuộc thửa 193, tờ bản đồ số 37 làm sân bãi công nghiệp. Mặc dù diện tích của thửa đất này không nằm trong diện tích đất mà UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao cho Công ty tại Quyết định 1838/QĐ-UBND ngày 17/11/1993; nhưng phía Công ty nhận thấy: Diện tích đất của thửa 193, tờ bản đồ số 37 không còn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Lê Văn T, kể từ N 1994. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã quyết định:

Áp dụng: Điều 30, Điều 31, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính N 2015; Điều 106 Luật đất đai N 2013; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, ông Lê Văn Q về việc: “Hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND huyện T”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/9/2017 ông Lê Văn T làm đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành. Ông T yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử sửa Bản án số 02/2017/HC-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T nhằm khôi phục lại giấy CNQSD đất cho ông T theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện trình bày thủ tục cấp giấy CNQSD đất đối với thửa 193 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã C cho bà Hồ Thị N không đúng thì chỉ cần thủ tục chỉnh lý là đủ, không cần hủy giấy CNQSD đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

Về nội dung: Việc UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất số O 942077 đối với thửa 193 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha cho hộ bà Hồ Thị N, khi bà N đã chết là không đúng đối tượng; Hồ sơ có sự giả mạo và không đúng mục II.1 Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính; do đó UBND huyện T ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N và ngày 12/5/2016 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1888/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 2143/QĐ-UBND là có căn cứ pháp luật, đề nghị không chấp nhận khởi kiện và kháng cáo của ông T, ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T nộp trong thời hạn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Tòa án đưa vụ kiện đưa ra xét xử chậm do người khởi kiện yêu cầu đo lại diện tích và lồng ghép sơ đồ vị trí đất, khi có kết quả đo đạc Tòa án mới mở lại phiên tòa, đây là nguyên nhân khách quan.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự 03 lần nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 13/10/2015 ông Lê Văn T và ông Lê Văn Q có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND huyện T về việc thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N (**Quyết định số 2143**). Ngày 12/5/2016 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1888/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 2143/QĐ-UBND (**Quyết định số 1888**) đây là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của Quyết định này theo khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm có nhận định về Quyết định số 1888, nhưng không tuyên trong phần quyết định là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[3] Thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T:

[4.1] Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2143: Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày 16/02/2000 với diện tích 14.640m² gồm các thửa 193, 215 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã C, với lý do: Cấp giấy CNQSD đất cấp không đúng quy định về pháp luật đất đai. Do có sự sai sót trong Quyết định 2143, ngày 12/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1888 điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 2143. Cụ thể: “Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày 16/02/2000 với diện tích 14.640 m² gồm các thửa 193, 215 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã C” thành: “Thu hồi, hủy bỏ Giấy CNQSD đất của bà Hồ Thị N số O 942077 ngày 16/02/2000 với diện tích 9.040m² thửa 193 tờ bản

đồ số 37 tọa lạc tại xã C”; với lý do: Thửa đất 215, tờ bản đồ số 37 đã được chỉnh trừ khỏi Giấy chứng nhận QSD đất số O 94277 ngày 16/02/2000.

Sau đó UBND huyện T chuyển vụ việc cho Thanh tra huyện thẩm tra việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Hồ Thị N.

Do đó, ngày 12/5/2015, Thanh tra huyện T đã ban hành văn bản số 48/TTr về việc “Thẩm tra việc cấp GCNQSD đất đối với thửa 193, tờ bản đồ số 37, xã C”; tại văn bản này đã kết luận: “Việc cấp Giấy CNQD đất thửa 193, tờ bản đồ số 37 xã C cho bà Hồ Thị N (vợ ông Lê Văn T) là không đúng quy định của pháp luật đất đai về điều kiện cấp giấy “Chủ thể sử dụng”.

[4.2] Ngày 11/9/1996 bà Hồ Thị N chết (theo trích lục khai tử ngày 01/3/2016 của UBND xã Châu Pha), nhưng ngày 18/3/1998 bà Hồ Thị N có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất, trong đó có thửa 193, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại xã Châu Pha, huyện Tân Thành. Những người thừa kế của bà N không báo với chính quyền địa phương, nên N 2000 UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất cho bà N là không đúng vì đối tượng được cấp giấy không còn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế của bà N và không đúng pháp luật.

[4.3] Căn cứ vào hồ sơ địa chính được lưu giữ tại UBND xã C thì: Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 37 đã được hộ bà Hồ Thị N đăng ký kê khai diện tích 9.040m² chứ không phải là 14.640 m².

Như vậy, UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất đứng tên hộ bà Hồ Thị N thuộc trường hợp cấp giấy CNQSD đất không đúng đối tượng qui định tại mục II.1 Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai N 2013. Sau đó UBND huyện đã gửi kiến nghị cho cơ quan thanh tra để xác minh là đúng theo điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc không gửi thông báo cho người bị thu hồi biết để khiếu nại là có thiếu sót. Tuy nhiên khi ông T khởi kiện đã được Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu của ông.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã nhận định và đề nghị không chấp nhận khởi kiện và kháng cáo của ông T, ông Q là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Tiền do đặc; xem xét, thẩm định tại chỗ hết 7.996.347.000đ, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông T, ông Q phải nộp và đã nộp đủ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Văn T là người cao tuổi là đối tượng được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Mục II.1 Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính; Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T. Sửa một phần nội dung quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T như sau:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn T, ông Lê Văn Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị N và Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Tiền chi phí đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ hết 7.996.347.000đ, ông Lê Văn T, ông Lê Văn Q phải nộp và đã nộp đủ.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn T không phải nộp. Ông Lê Văn Q phải nộp án phí: 200.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000267 ngày 15/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, ông Lê Văn Q đã nộp xong án phí.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn T không phải nộp. Trả lại cho ông T số tiền 300.000 đã nộp đồng theo biên lai số 0004711 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành.

5. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tổ tụng hành chính.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 10.8.2018).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND TX Phú Mỹ;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi Cục THADS TX Phú Mỹ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Đức Thiện

